Mẫu: CBTT/SGDHCM-02

CÔNG TY **CỔ PHẦN CÁT LỢI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 161 /CPCL-TCKT V/v Công bố thông tin.	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2025*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
DN: E=clco@catloi.com.vn, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0303185504, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI, L="934D2 Đường D, KCN Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh", S=TP Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025.04.01 14:57:07+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 11.0.0

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI.
- Mã chứng khoán: CLC
- Địa chỉ trụ sở chính: 934D2 Đường D, KCN Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
- Điện thoại: (028) 37421118.
- Fax: (028) 37420923.
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hoàng Minh.
  Chức vụ: Giám đốc

Loại thông tin công bố : ☑ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2024 (đính kèm).

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần *nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế*. Không có

Lý do: Không có

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01 /04/2025 tại đường dẫn: http://www.catloi.com.vn

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận :
- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0303185504 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI - TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Minh

vinataba
CAT LOI

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2024

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 04/2025

MỤC LỤC

Trang

I. Thông tin chung 1

1. Thông tin khái quát 1

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 2

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .. 2

4. Định hướng phát triển 3

5. Các rủi ro 4

II. Tình hình hoạt động trong năm 4

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 4

2. Tổ chức và nhân sự 5

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 7

4. Tình hình tài chính 8

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 9

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty 11

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc 14

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 14

2. Tình hình tài chính 17

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 19

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai 19

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán 23

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty 23

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty 23

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 23

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty 24

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 25

V. Quản trị Công ty 26

1. Hội đồng quản trị 26

2. Ban Kiểm soát 33

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát 36

VI. Báo cáo tài chính 39

1. Ý kiến kiểm toán 39

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán 41

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
Năm 2024

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cát Lợi.
- Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/06/2022 với mã số doanh nghiệp là 0303185504.
- Vốn điều lệ: 262.075.830.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 262.075.830.000 VND.
- Địa chỉ: 934 D2 Đường D, Khu CN Cát Lái (Cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. HCM.
- Số điện thoại: 028.37421118
- Số fax: 028.37420923
- Website: www.catloi.com.vn
- Mã cổ phiếu: CLC
- Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp in bao bì và phụ liệu thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/03/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 ngày 19/02/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 10/12/2021 và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/06/2022 với mã số doanh nghiệp là 0303185504.
- Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18/10/2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và cổ phiếu được giao dịch chính thức kể từ ngày 16/11/2006 đến nay.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh: In bao bì, sản xuất cây đầu lọc và phụ liệu thuốc lá.
- Địa bàn kinh doanh: Công ty cung cấp sản phẩm cho tất cả các Công ty sản xuất thuốc lá điếu trong cả nước từ Bắc tới Nam và xuất khẩu.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

a. Mô hình quản trị:

Công ty thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Ban Giám đốc.
- Ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.
- Các cán bộ quản lý.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Giám đốc.
- Phòng Tổ chức - Hành chính.
- Phòng Tài chính - Kế toán.
- Phòng Kế hoạch - Vật tư.
- Phòng Tiêu thụ - Thị trường.
- Phòng Kỹ thuật.
- Kho.
- Phân Xưởng In.
- Phân Xưởng Cây đầu lọc.

c. Các Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh:

- Công ty liên doanh:

STT	Tên Doanh nghiệp	Vốn góp của Công ty (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
1	Công ty TNHH Bao bì C&A	6.000.000.000	50%

4. *Định hướng phát triển*

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Liên tục đổi mới, đồng hành gắn kết với khách hàng và phát triển bền vững, giữ vững là Công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sáp, cây đầu lọc;
- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty;
- Nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và thu nhập của cán bộ, công nhân viên Công ty hàng năm tăng trưởng;
- Sản phẩm của Công ty luôn có ưu thế cạnh tranh, được khách hàng ưa chuộng, tin tưởng và sử dụng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt mục tiêu đề ra;
- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;
- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới nhất nhằm giảm thiểu tác hại của thuốc lá đến sức khỏe người tiêu dùng như các thiết bị đục lỗ giấy sáp, thiết bị sản xuất đầu lọc than hoạt tính, thiết bị sản xuất đầu lọc capsules, thiết bị in nhiều màu để in cảnh báo sức khoẻ bằng hình ảnh trên bao bì… Các thiết bị này sẽ được Công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường;
- Lựa chọn các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn hiệu quả;
- Chú trọng sự hợp tác, từng bước mở rộng sự phát triển của Công ty liên doanh sản xuất bao bì được Công ty góp vốn thành lập từ đầu năm 2024, góp phần vào định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty trong việc mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất bao bì hàng tiêu dùng ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau không chỉ riêng bao bì thuốc lá;
- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, liên doanh, hợp tác đầu tư, thành lập thêm các Công ty con, Chi nhánh tại các vùng miền khác nhau để phát triển.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Sản phẩm của Công ty được các cơ quan kiểm định quốc tế chứng nhận đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và sức khỏe cộng đồng;
- Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp;

- Tham gia các chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội, cộng đồng.

5. Các rủi ro

- Nguyên liệu sản xuất của Công ty chủ yếu là hàng nhập khẩu vì thế cần một lượng ngoại tệ lớn để thanh toán cho nhà cung cấp. Sự biến động về tỷ giá ngoại tệ tăng cũng như sự khan hiếm ngoại tệ (nếu có) sẽ ảnh hưởng không tốt, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Luật phòng chống tác hại của thuốc lá cùng các chính sách của Nhà nước không khuyến khích sử dụng thuốc lá cũng ảnh hưởng tới sản lượng thuốc của các nhà máy sản xuất thuốc lá điếu và gián tiếp ảnh hưởng đến sản lượng sản phẩm sản xuất của Công ty;
- Sự biến động địa chính trị tại nhiều khu vực trên thế giới: xung đột Nga – Ukraine, Trung Đông, Châu Phi..., cùng với những căng thẳng thương mại giữa các nước lớn gây bất ổn đến kinh tế toàn cầu làm ảnh hưởng tới nguồn cung cũng như giá nguyên vật liệu nhập khẩu của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So sánh (%)	
				TH2024/ TH2023	TH2024/ KH2024
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, DTTC, TN khác)	2.981.432	2.900.000	3.705.573	124,29	127,78
2. Lợi nhuận trước thuế	180.589	155.000	190.292	105,37	122,77
3. Lợi nhuận sau thuế	143.976	124.000	150.229	104,34	121,15

Ghi chú: Số liệu năm 2023 đã được điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của KTNN.

- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 đạt kết quả như sau: Tổng doanh thu năm 2024 đạt 3.705,57 tỷ đồng tương ứng 127,78% so với kế hoạch năm và đạt 124,29% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 150,23 tỷ đồng tương ứng 121,15% so với kế hoạch năm và đạt 104,34% so với năm trước.

2. *Tổ chức và nhân sự*

a. Danh sách Ban điều hành:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Nguyễn Hoàng Minh	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	12/10/1980
+ Nơi sinh:	TP. Hồ Chí Minh
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Giám đốc, Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bao bì C&A.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	44.110 CP, chiếm 0,17% vốn điều lệ.
2. Ông Võ Đình Văn	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	01/01/1975
+ Nơi sinh:	Cà Mau
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Điện - Điện tử, Thạc sỹ Kỹ thuật.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Phó Giám đốc.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	3.938 CP, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
3. Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	21/07/1982
+ Nơi sinh:	Hà Nội
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Công nghệ in.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Phó Giám đốc.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bao bì C&A.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	150.000 CP, chiếm 0,57% vốn điều lệ.

4. Ông Liêu Phước Tính	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	20/10/1985
+ Nơi sinh:	Trà Vinh
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Kế toán trưởng.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	39 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

b. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Cơ cấu CBCNV	Số lượng CBCNV tại 31/12/2024 (người)
1. Trên đại học (Thạc sĩ)	4
2. Đại học	89
3. Cao đẳng	19
4. Trung cấp	40
5. Trung học dạy nghề	65
6. Lao động phổ thông	84
Tổng cộng:	**301**

- Công ty đã áp dụng Quy chế Phân phối tiền lương, thù lao; Quy chế Phân phối tiền thưởng để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với Công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại hiệu quả cao. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian quy định, mỗi tháng 2 kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.

- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến,... được Công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.

- Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động, đào tạo được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

a. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện công tác đầu tư trang bị máy móc thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh cụ thể như sau:

- Hoàn thành lắp đặt 01 máy in ống đồng 12 màu tích hợp 2 cụm sấy UV, tốc độ 250 mét/phút, mới 100% đã đưa vào vận hành khai thác trong quý 2 năm 2024. Thiết bị mới đưa vào sản xuất đã giúp Công ty nâng cao năng lực sản xuất, gia tăng sản lượng đồng thời đáp ứng nhu cầu chủng loại sản phẩm ngày càng đa đạng của các khách hàng đối với sản phẩm in bao bì thuốc lá.
- Hoàn thành lắp đặt 01 máy ép nhũ tích hợp dập nổi-cắt-bế phẳng tự động, mới 100%, cũng đã đưa vào vận hành khai thác trong quý 2 năm 2024, giúp Công ty đạt được mục tiêu về đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng cũng như giá trị sản phẩm in, có ứng dụng các hiệu ứng in ép nhũ.
- Công ty đã triển khai công trình cải tạo hệ thống điều hòa nhiệt độ tại Phân xưởng Cây đầu lọc. Hiện tại đơn vị thi công đã tiến hành lắp đặt xong, đưa vào sử dụng đầu năm 2025 và sẽ hoàn tất nghiệm thu trong quý 1 năm 2025.
- Công tác công nghệ thông tin và chuyển đổi số đang được Công ty thực hiện một cách cụ thể và toàn diện, nhằm tăng cường hiệu quả sản xuất và quản lý.
- Các dự án đầu tư của Công ty được thực hiện đúng tiến độ và luôn tuân thủ các quy định của pháp luật Nhà nước.

b. Các Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh:

- Công ty liên doanh:

+ Tên Công ty: Công ty TNHH Bao bì C&A

+ Địa chỉ: 38A Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

+ Giấy CN ĐKDN: 3703185529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/01/2024.

+ Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng (Trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 50% vốn điều lệ).

+ Ngành nghề Kinh doanh: Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa.

Công ty TNHH Bao bì C&A chính thức hoạt động vào ngày 18/01/2024.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
+ Tổng giá trị tài sản	1.572.104.339.531	1.955.275.823.603	24,37
+ Doanh thu thuần	2.970.830.028.691	3.691.723.816.321	24,27
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	180.054.586.660	189.488.093.767	5,24
+ Lợi nhuận khác	533.918.381	803.904.111	50,57
+ Lợi nhuận trước thuế	180.588.505.041	190.291.997.878	5,37
+ Lợi nhuận sau thuế	143.976.462.812	150.229.088.842	4,34
+ Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	63,71%	69,78%	9,53

Ghi chú: Số liệu năm 2023 đã được điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của KTNN.

(*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Cổ tức thực hiện năm 2023 là 35%/vốn điều lệ (35% cổ tức năm 2022), Cổ tức thực hiện năm 2024 là 40%/vốn điều lệ (40% cổ tức năm 2023).

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Mã số 100/310) Bảng cân đối kế toán	Lần	2,11	1,80	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Mã số (100-140)/310) Bảng cân đối kế toán	Lần	0,52	0,44	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	44,07	53,47	

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	78,81	114,91	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay Hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	2,48	2,64	
+ Vòng quay Tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	2,01	2,09	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,85	4,07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	16,38	16,51	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,16	7,68	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,06	5,13	

Ghi chú: Số liệu năm 2023 đã được điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của KTNN.

- Khả năng thanh toán ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của Công ty năm 2024 đạt 1,80 lần và lớn hơn 1 cho thấy Công ty vẫn đáp ứng tốt khả năng thanh toán ngắn hạn.

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần năm 2024 đạt 5,13%.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần tại 31/12/2024:

- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 26.207.583 cổ phiếu.
  - + Cổ phiếu phổ thông: 26.207.583 cổ phiếu.
  - + Cổ phiếu ưu đãi, khác: - cổ phiếu.
  - + Cổ phiếu được chuyển nhượng tự do: 26.207.583 cổ phiếu.
  - + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: - cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Thông tin chung về cơ cấu cổ đông tại 12/02/2025:

STT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	**Trong nước**	**750**	**25.661.734**	**97,92%**
1	Cổ đông lớn (> 5%)	2	15.038.620	57,38%
2	Công đoàn	1	7.177	0,03%
3	Cổ đông khác	747	10.615.937	40,51%
	Người nội bộ Công ty	6	250.925	0,96%
	Cá nhân	734	9.297.280	35,48%
	Tổ chức trong nước	7	1.067.732	4,07%
II.	**Nước ngoài**	**80**	**545.849**	**2,08%**
1	Cá nhân	63	198.804	0,76%
2	Tổ chức	17	347.045	1,32%
	Tổng cộng	**830**	**26.207.583**	**100,00%**

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	Số 30, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.	13.366.080	51,00%
2	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	Khu CN Vĩnh Lộc, Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, TP. HCM.	1.672.540	6,38%
	Tổng cộng		**15.038.620**	**57,38%**

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. *Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty*

6.1. Tác động đến môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không phát thải các khí nhà kính (hơi nước, CO_2, CH_4, N_2O, O_3, các khí CFC…).
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không sử dụng các thiết bị phát thải khí nhà kính theo quy định của pháp luật.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm.

- Trong năm 2024 Công ty sử dụng 30.949 tấn nguyên vật liệu chính để đưa vào sản xuất, trong đó: Giấy các loại 17.207 tấn; sợi tow các loại 9.157 tấn; mực các loại 431 tấn; và các nguyên vật liệu chính khác 4.154 tấn.
- Các nguyên vật liệu được Công ty sử dụng đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Công ty sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia, có trang bị máy phát điện chạy bằng dầu diesel dự phòng khi cúp điện và sử dụng dầu diesel cho một số xe nâng hàng với điện năng tiêu thụ năm 2024 là 10.671.813 KWh và dầu diesel 25.600 lít.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Trong năm 2024 Công ty tiết kiệm được 19.872 KWh điện năng.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã thực hiện trong năm 2024	
Nội dung giải pháp	***Kết quả tiết kiệm*** *(KWh/năm)*
Thay thế các tấm poly lấy ánh sáng tự nhiên khu vực Phân xưởng In.	19.872
Tổng cộng	**19.872**

6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Công ty sử dụng nguồn nước thủy cục được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2.
- Lượng nước trong năm 2024 Công ty đã sử dụng là 21.418 m^3.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không lần.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động của Công ty tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 301 người, với thu nhập bình quân trong năm 2024 đạt 33.677.129 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Với quan điểm nhân lực là một yếu tố vô cùng quan trọng quyết định sự thành công của Công ty, vì vậy Công ty liên tục thực hiện các giải pháp để cải thiện môi trường làm việc nhằm bảo đảm an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ chính sách phúc lợi cho người lao động như: Lương, thưởng, trợ cấp ốm đau, thai sản, hiếu, hỉ. Thực hiện các loại bảo hiểm theo luật định; mua bảo hiểm tai nạn 24/24; khám sức khỏe định kỳ; tổ chức bữa ăn giữa ca; chăm lo các chế độ bồi dưỡng bổ sung, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- Công ty đã thực hiện vận hành hiệu quả hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động.
- Công ty luôn chú trọng và khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty như Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên người lao động; các phong trào thi đua; các phong trào thể thao, văn nghệ…

c. Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Trong năm 2024, Công ty thực hiện đào tạo tại đơn vị và bên ngoài đơn vị với tổng số giờ đào tạo bên ngoài là 920 giờ /năm, trung bình thời gian đào tạo các kỹ năng bên ngoài dành cho một người là 15 giờ. Đối tượng đào tạo gồm cán bộ quản lý, chuyên viên, nhân viên và công nhân trực tiếp sản xuất.
- Trong năm 2024, Công ty tập trung đào tạo nội bộ theo Bộ Chương trình đào tạo đã xây dựng cho các vị trí công việc.
- Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung đầy đủ nhân lực cho hoạt động của Công ty.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty tiếp tục duy trì tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng, chuyên môn phù hợp với tình hình, điều kiện hoạt động của Công ty để hỗ trợ người lao động đảm bảo làm việc hiệu quả và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Cũng như hàng năm, Công ty luôn có những chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội.
- Năm 2024, Công ty đã ủng hộ gần 3 tỷ đồng cho các hoạt động công tác xã hội gồm:

- Ủng hộ kinh phí chăm lo Tết Giáp Thìn 2024 cho Hội người mù TP. HCM;
- Ủng hộ chương trình phẫu thuật mắt đục thủy tinh thể cho người nghèo năm 2024;
- Hỗ trợ quà Tết Giáp Thìn 2024 cho các hộ gia đình nghèo tỉnh Bạc Liêu;
- Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình thương tại xã Lam Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An;
- Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình thương tại xã Ngọc Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An;
- Ủng hộ kinh phí thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn năm 2024 tại Tỉnh Trà Vinh;

- Ủng hộ kinh phí xây dựng Đền thờ liệt sĩ tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ, Tỉnh Hà Tĩnh;
- Ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 Yagi;
- Ủng hộ quỹ "Vì người nghèo" và kinh phí chăm lo Tết;
- Tài trợ học bổng cho học sinh nghèo hiếu học tại Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang;
- Ủng hộ chi phí cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Chu Hóa, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So sánh (%)	
				TH2024/ TH2023	TH2024/ KH2024
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, DTTC, TN khác)	2.981.432	2.900.000	3.705.573	124,29	127,78
2. Lợi nhuận trước thuế	180.589	155.000	190.292	105,37	122,77
3. Lợi nhuận sau thuế	143.976	124.000	150.229	104,34	121,15
4. Sản lượng tiêu thụ:					
+ Cây đầu lọc (Tr.Cây)	20.520	19.342	22.178	108,08	114,66
+ Giấy sáp các loại (Tấn)	2.515	2.465	2.826	112,37	114,65
+ Nhãn in (Tr.Tờ)	2.490	2.380	2.869	115,22	120,55

Ghi chú: Số liệu năm 2023 đã được điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của KTNN.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024 đạt kết quả tốt so với kế hoạch, các chỉ tiêu đều vượt so với kế hoạch đề ra, và có sự tăng trưởng so với năm 2023, cụ thể:

  - Tổng doanh thu đạt 127,78% kế hoạch; tăng 24,29% so với thực hiện năm 2023.
  - Lợi nhuận trước thuế đạt 122,77% kế hoạch; tăng 5,37% so với thực hiện năm 2023.

- Năm 2024 là một năm có nhiều biến động, cuộc Xung đột Nga – Ukraine và căng thẳng chính trị tại Trung Đông vẫn là mối lo ngại lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định kinh tế và chính trị trên toàn thế giới. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn như Mỹ – Trung đã gây ra các vấn đề nghiêm trọng cho chuỗi cung ứng và thương mại toàn cầu.

- Kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá trong năm 2024 (GDP tăng 7,05%), nhưng tiêu dùng trong nước tăng chậm, tỷ giá USD/VND biến động theo chiều hướng tăng từ quý 2 năm 2024 (tăng khoảng 5% so với đầu năm), ảnh hưởng không nhỏ tới việc tăng chi phí đầu vào của Công ty khi hầu hết các nguyên vật liệu chính của Công ty chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài.

- Ngoài ra, năm 2024 nước ta còn chịu ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu đặc biệt là ảnh hưởng của cơn bão Yagi đã gây thiệt hại lớn về kinh tế, xã hội gây hư hỏng cơ sở hạ tầng, kho bãi, nhà xưởng… tại khu vực phía Bắc và Bắc Trung Bộ làm cho hoạt động sản xuất và phân phối, lưu thông hàng hóa, logistics trong nước gặp rất nhiều khó khăn. Việc này cũng phần nào ảnh hưởng đến quá trình vận chuyển, tiêu thụ hàng hóa của Công ty đối với các đơn vị thuốc lá Miền Bắc.

- Trước những biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước, ngành thuốc lá nói chung và nội tại Công ty nói riêng cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng nêu trên. Mặc dù vậy, các đơn vị sản xuất thuốc lá điếu đã thực hiện nhiều biện pháp quản lý, tiết giảm chi phí sản xuất, tập trung đảm bảo chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác phát triển thị trường để giữ vững và mở rộng thị phần.

- Cả thị trường nội tiêu và thị trường xuất khẩu trong năm của các đơn vị thuốc lá điếu tăng trưởng giúp đẩy mạnh sản lượng của Công ty trong năm 2024 tăng cao hơn dự kiến kế hoạch, đây chính là lý do lớn nhất dẫn tới doanh thu trong năm tăng 24% so với cùng kỳ năm trước.

- Trước bối cảnh và tình hình chung của ngành thuốc lá, Công ty cũng có những thuận lợi và khó khăn cụ thể như sau:

❖ **Thuận Lợi:**

- Kinh tế Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng, tình hình xuất khẩu của các đơn vị thuốc lá điếu có sự tăng trưởng tốt, từ đó tác động trực tiếp tới tình hình tiêu thụ của Công ty đối với các mặt hàng phụ liệu.
- Đối với thị trường trong nước năm vừa qua, Nhà nước tiếp tục đẩy mạnh hoạt động phòng chống thuốc lá lậu và có các biện pháp tuyên truyền, kiểm soát các loại thuốc lá điện tử và thuốc lá làm nóng giúp cho thị trường nội tiêu được phần nào cải thiện và tăng trưởng tốt.
- Lãi suất cho vay của ngân hàng giữ ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp đẩy mạnh hoạt động sản xuất và dự trữ nguyên liệu đầu vào.
- Với lợi thế về mặt chất lượng cũng như giá thành của sản phẩm, Công ty đã có thêm nhiều mặt hàng mới cùng với sự duy trì của những mặt hàng đang sản xuất đã giữ cho sản lượng của Công ty luôn ở mức ổn định và tăng trưởng.
- Bên cạnh đó, các chương trình đầu tư trang bị máy móc thiết bị mới đối với 01 máy in ống đồng 12 màu và 01 máy ép nhũ-cắt-bế phẳng của Công ty đã hoàn thành và đưa vào khai thác, giúp Công ty bổ sung năng lực sản xuất, đáp ứng kịp thời nhu cầu đặt hàng trong cuối năm 2024.

❖ **Khó khăn:**

- Xung đột Nga – Ukraine và căng thẳng chính trị tại Trung Đông làm gia tăng chi phí năng lượng, logistics, giá xăng dầu tăng, cũng như làm cho giá cả nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất biến động mạnh gây khó khăn cho việc nhập khẩu nguyên liệu đầu vào của Công ty.
- Các cuộc đình công diễn ra ở các cảng lớn ở Châu Âu làm gia tăng thêm sự gián đoạn vận tải đa phương thức và các kết nối từ đường bộ, đường sắt đến các cảng biển. Ngoài ra hoạt động đình công cũng liên tục diễn ra tại các cảng Bờ đông Hoa Kỳ và của công nhân đường sắt ở Canada cũng ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu. Những điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc nhập khẩu các nguyên vật liệu đầu vào của Công ty với đa phần là hàng hóa nhập khẩu, Công ty đã bắt buộc phải chủ động điều chỉnh tồn kho tăng cao, đồng thời dẫn đến chi phí nhận hàng tăng đột biến trong một số thời điểm.
- Các chính sách về kiểm soát thuốc lá ngày càng nghiêm ngặt, với việc tăng cường thuế và cấm quảng cáo, tuyên truyền về tác hại của thuốc lá. Bên cạnh đó, các sản phẩm thay thế xuất hiện ngày càng nhiều: thuốc lá điện tử, viên ngậm nicotin,… thu hút số lượng lớn đối tượng tiêu dùng trẻ tuổi dẫn đến xu hướng giảm hút thuốc lá truyền thống và tìm kiếm các sản phẩm thay thế như thuốc lá điện tử.

2. *Tình hình tài chính*

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**1.841.282**	**1.458.100**	**383.182**	**26,28**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	32.039	27.685	4.354	15,73
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	345.816	313.239	32.577	10,40
IV. Hàng tồn kho	1.391.722	1.094.837	296.885	27,12
V. Tài sản ngắn hạn khác	71.705	22.339	49.366	220,99
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**113.994**	**114.004**	**(10)**	**(0,01)**
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	1.510	(1.510)	(100,00)
II. Tài sản cố định	110.499	24.863	85.636	344,43
III. Tài sản dở dang dài hạn	105	87.548	(87.443)	(99,88)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.229		3.229	
V. Tài sản dài hạn khác	161	83	78	93,98
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**1.955.276**	**1.572.104**	**383.172**	**24,37**

Ghi chú: Số liệu đầu năm đã được điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của KTNN.

Tổng giá trị tài sản Công ty tại 31/12/2024 đạt 1.955,28 tỷ đồng tăng so với đầu năm 2024 là 24,37% tương ứng 383,17 tỷ đồng, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn tăng 26,28% tương ứng 383,18 tỷ đồng chủ yếu do:

+ Hàng tồn kho tăng 27,12% tương ứng 296,89 tỷ đồng do việc dự trữ nguyên vật liệu phục vụ sản xuất cũng như việc tăng giá nguyên vật liệu;

+ Tài sản ngắn hạn khác tăng 220,99% tương ứng 49,37 tỷ đồng chủ yếu do việc tăng Thuế GTGT được khấu trừ và giảm các khoản phải thu Nhà nước;

+ Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 10,40% tương ứng 32,58 tỷ đồng chủ yếu do khoản phải thu khách hàng tăng 8,55% tương ứng 26,66 tỷ đồng do các khoản công nợ này chưa đến hạn thanh toán và một số khách hàng đang khó khăn về tài chính dẫn đến một số khoản công nợ chưa thu hồi đúng hạn; Trả trước cho người bán tăng 3,68 tỷ đồng;

+ Tiền và tương đương tiền tăng 15,73% tương ứng 4,35 tỷ đồng.

- Tài sản dài hạn đạt 113,99 tỷ đồng tương đương so với đầu năm 2024, trong đó:

+ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án "Đầu tư 01 máy in ống đồng 12 màu tích hợp 02 cụm sấy UV" và dự án "Đầu tư 01 máy ép nhũ tích hợp dập nổi-cắt-bế phẳng tự động" đã hình thành TSCĐ làm tăng giá trị TSCĐ và giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang;

+ Tăng khoản đầu tư tài chính góp vốn thành lập Công ty liên doanh – Công ty TNHH Bao bì C&A 6,00 tỷ đồng và tăng dự phòng đầu tư tài chính dài hạn làm giảm 2,77 tỷ đồng;

+ Tăng khấu hao TSCĐ trong năm 2024 làm giảm 35,39 tỷ đồng và thanh lý TSCĐ không còn đáp ứng nhu cầu sử dụng 6,89 tỷ đồng;

+ Giảm các khoản phải thu dài hạn 1,51 tỷ đồng.

b. Tình hình nợ phải trả, nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	**1.045.472**	**692.896**	**352.576**	**50,88**
I. Nợ ngắn hạn	1.024.695	692.390	332.305	47,99
II. Nợ dài hạn	20.777	506	20.271	4.006,13
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**909.804**	**879.208**	**30.596**	**3,48**
I. Vốn chủ sở hữu	909.804	879.208	30.596	3,48
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**1.955.276**	**1.572.104**	**383.172**	**24,37**

Ghi chú: Số liệu đầu năm đã được điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của KTNN.

Cơ cấu nguồn vốn Công ty tại 31/12/2024 như sau:

- Nợ phải trả tăng 50,88% tương ứng 352,58 tỷ đồng chủ yếu do:

+ Nợ phải trả ngắn hạn tăng 47,99% tương ứng 332,31 tỷ đồng trong đó: Nợ vay ngân hàng tăng 107,83% tương ứng 334,67 tỷ đồng so với đầu năm do việc bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Các khoản thuế phải nộp tăng 13,31% tương ứng 1,67 tỷ đồng; Mặt khác các khoản phải trả, phải nộp khác giảm 5,57% tương ứng 2,45 tỷ đồng chủ yếu từ việc giảm Quỹ khen thưởng, phúc lợi và tăng phải trả người lao động; Phải trả người bán giảm 0,47% tương ứng 1,51 tỷ đồng.

+ Nợ phải trả dài hạn tăng 20,27 tỷ đồng so với đầu năm 2024 do việc trích lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ 19,01 tỷ đồng; Cùng với

việc tăng nhận tiền đặt cọc dài hạn 1,27 tỷ đồng.

- Vốn chủ sở hữu tăng 3,48% tương ứng 30,60 tỷ đồng từ việc phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 và việc tăng lợi nhuận trong năm 2024.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm các vị trí quản lý bộ phận.
- Áp dụng hệ thống quản trị nhân sự tiền lương và dự toán ngân sách trong Công ty.
- Ứng dụng phần mềm ERP trong hoạch định nguồn lực.
- Thực hiện quá trình chuyển đổi số, triển khai đồng bộ số hóa từng bộ phận.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự báo môi trường sản xuất kinh doanh năm 2025:

❖ **Khó khăn:**

- Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 được xây dựng trong bối cảnh tình hình thế giới dự báo tiếp tục có nhiều chuyển biến khó lường. Kinh tế toàn cầu còn đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức, đặc biệt là những vấn đề như ảnh hưởng của các xung đột quân sự giữa Nga – Ukraine, tại dải Gaza, khu vực biển Đỏ; tình hình lạm phát và điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn, biến động giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu; xu hướng dịch chuyển dòng vốn; xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, an ninh mạng… sẽ tác động trực tiếp nhiều mặt đến nền kinh tế trong nước nói chung và toàn ngành thuốc lá nói riêng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố trên.
- Đối với tình hình nhập khẩu nguyên vật liệu chính, giá nguyên liệu acetate tow vẫn duy trì ở mức cao, trong năm 2025 chưa có dấu hiệu giảm. Giá nguyên liệu giấy trắng đã được điều chỉnh giảm và giá giấy sáp tăng nhẹ so với năm 2024. Tình trạng khan hiếm hàng hóa cũng không còn xảy ra như những năm trước, từ đó tạo cơ hội để Công ty có thể cân đối điều chỉnh giảm lượng tồn kho nguyên vật liệu. Tuy nhiên, vẫn còn ẩn chứa nhiều rủi ro từ tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng kéo dài và tình trạng thiếu container rỗng trong vận chuyển.
- Tỷ giá USD dự kiến năm 2025 sẽ biến động mạnh do tác động kết hợp từ kỳ vọng duy trì lãi suất của FED và các chính sách mới của Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, các xung đột địa chính trị tiếp tục làm gia tăng nhu cầu nắm giữ

đồng USD của giới đầu tư, càng củng cố vị thế của đồng tiền này trên thị trường tài chính toàn cầu. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả nguyên vật liệu đầu vào của Công ty khi phần lớn nguyên vật liệu chính của Công ty đều được nhập khẩu từ Châu Âu.

❖ **Thuận lợi:**

- Quá trình tự do hóa thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, làm tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia, thúc đẩy kích cầu hoạt động giao thương giữa Việt Nam với kinh tế thế giới. Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu phát triển qua đó ảnh hưởng trực tiếp tới sản lượng tiêu thụ toàn ngành thuốc lá nói chung và Công ty nói riêng.
- Công tác đầu tư máy móc thiết bị mới chuyên dụng và hiện đại của Công ty đã hoàn thiện. Tạo lợi thế cạnh tranh về mặt công nghệ cùng với chất lượng sản phẩm, giá cả ổn định và đội ngũ cán bộ – công nhân viên có tay nghề cao, Công ty đã phát triển những sản phẩm ở phân khúc thị trường có nhu cầu ngày càng cao, đồng thời Công ty cũng nắm bắt và tiếp nhận các yêu cầu chuyển đổi hình ảnh cảnh báo sức khỏe cho sản phẩm nội tiêu, triển khai nhanh chóng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025:

Dựa trên những kết quả đạt được trong năm 2024, việc đánh giá phân tích những thuận lợi, khó khăn khả năng sẽ xảy ra năm 2025, cũng như căn cứ nhu cầu thị trường hiện tại và xu hướng phát triển trong thời gian tới, Công ty dự kiến kế hoạch trong năm 2025 cần phấn đấu hoàn thành các mục tiêu như sau:

STT	*Chỉ tiêu*	*ĐVT*	*Kế hoạch 2025*
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	**3.760.000**
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	**206.000**
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	**164.800**
4	Nộp ngân sách (thuế VAT+TNDN)	Triệu đồng	**135.000**
5	Sản lượng tiêu thụ:		
	- Cây đầu lọc *(quy đổi)*	Triệu cây	**22.776**
	- Giấy sáp các loại	Tấn	**3.004**
	- Nhãn in *(quy đổi)*	Triệu tờ	**2.917**

- Các chỉ tiêu kế hoạch 2025 được xây dựng trên cơ sở dự báo tăng – giảm chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng khách hàng cụ thể, đồng thời có

tính đến sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu, tỷ giá, lãi suất tiền vay..., sự điều chỉnh giá bán phù hợp với biến động của chi phí đầu vào và sự cạnh tranh của thị trường. Doanh thu tăng nhẹ so với thực hiện năm 2024 nhưng lợi nhuận tăng 8% so với thực hiện năm 2024 do trong năm 2024 Công ty có thực hiện trích Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ, triển khai phần mềm số hóa đã tối ưu hiệu quả sản xuất, tiết giảm chi phí và tiêu hao nguyên vật liệu.

Phương hướng và giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch năm 2025:

Công ty luôn theo sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa ra phương pháp giải quyết tối ưu nhất trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

- Tổ chức công tác quản lý điều hành sản xuất khoa học, bám sát thực tế, nâng cao năng suất lao động, giảm tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất nhằm đạt được hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt nhất.
- Tiếp tục tập trung vào việc duy trì và phát triển thị trường nội tiêu. Đồng thời Công ty vẫn đang nỗ lực đẩy mạnh ở thị trường xuất khẩu trực tiếp.
- Tiếp tục ổn định và duy trì sản lượng đầu ra cung cấp cho các đơn vị thuốc lá điếu trong Tổng Công ty. Đồng thời Công ty luôn nỗ lực tăng cường mở rộng thị trường hướng đến các đơn vị thuốc lá điếu bên ngoài Tổng Công ty và các đơn vị liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như BAT, Philip Moris, JTI, Imperial... với phương châm luôn tạo niềm tin với tất cả các khách hàng dù lớn hay nhỏ, sự phát triển của khách hàng cũng là sự phát triển của Công ty.
- Đối với công tác đầu tư trang bị máy móc thiết bị: Công ty tiếp tục nghiên cứu để chuẩn bị chương trình đầu tư mới các thiết bị ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm cải tiến sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường về các dòng sản phẩm mới trong thời gian tới. Đồng thời, tập trung vào mảng phát triển công nghệ, nghiên cứu ứng dụng các thành tựu KH & CN để sản xuất ra các sản phẩm mới theo yêu cầu của khách hàng như: nghiên cứu việc sử dụng các mực in hiệu ứng mới và các công nghệ mới trong in ấn để nâng cao chất lượng sản phẩm in; nghiên cứu sử dụng các nguyên liệu mới cho máy sản xuất cây đầu lọc theo hướng thân thiện với môi trường và áp dụng cho các sản phẩm thuốc lá giảm Tar-Nicotin và cây đầu lọc có tẩm hương, viên capsule, đầu lọc ghép...
- Đồng thời để nâng cao hơn nữa năng lực hiện tại, Công ty sẽ tham gia các hội nghị triển lãm về thuốc lá để nghiên cứu học hỏi và ứng dụng các thành tựu KH & CN mới vào sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn và nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Công tác Tài chính – Kế toán và Kiểm tra, Kiểm soát: Đa dạng nguồn huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất cạnh tranh nhằm đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh và cải thiện chi phí tài chính của Công ty. Tiếp tục phát huy cao hơn nữa trong công tác thu hồi công nợ đạt hiệu quả thu nợ, tránh nợ tồn đọng, nợ khó đòi. Tiếp tục đàm phán với khách hàng, nhà cung cấp nhằm đạt được các ưu đãi về điều kiện và thời hạn thanh toán. Thực hiện tốt công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát các chi phí thực hiện so với kế hoạch và đưa ra biện pháp khắc phục. Phối hợp mật thiết với các phòng ban trong công tác hậu kiểm, kịp thời phát hiện và cảnh báo các biến động của các chi phí.

- Công tác chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị điều hành: Công ty tiếp tục triển khai phần mềm số hóa Kho và tích hợp kết nối dữ liệu các phần mềm với hệ thống ERP nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất và hoạt động quản lý. Áp dụng và khai thác hiệu quả phần mềm quản lý sản xuất FASF cho phép truy xuất nhanh dữ liệu, đánh giá hiệu quả của các máy sản xuất, đưa ra phương án sản xuất phù hợp, đảm bảo khai thác máy móc thiết bị đạt hiệu quả nhất về giờ hiệu dụng và năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm. Đồng thời khai thác hiệu quả phần mềm bảo trì bảo dưỡng CMMS để giám sát, dự đoán và xử lý nhanh các mối nguy về hư hỏng máy móc thiết bị, đảm bảo sự hoạt động ổn định của máy móc thiết bị, duy trì sản xuất liên tục, góp phần nâng cao năng suất lao động.

- Công tác cung ứng vật tư: Thực hiện đàm phán ký kết hợp đồng mua bán nguyên vật liệu dài hạn với số lượng, chất lượng phù hợp và giá cả hợp lý nhất nhằm đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó cân đối và dự trữ vật tư tồn kho hợp lý đảm bảo đủ nguồn cung cho sản xuất, đồng thời vẫn có một lượng dự trữ nhất định dự phòng biến động trong năm.

- Công tác nguồn nhân lực: Đào tạo nội bộ nâng cao tay nghề cho người lao động trong toàn Công ty. Tạo điều kiện cho người lao động tham gia các chương trình đào tạo trong và ngoài Công ty nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn và tay nghề. Chính sách đào tạo nguồn nhân lực bên cạnh tri thức, kỹ năng, tay nghề giỏi nói chung, cần hết sức coi trọng tính kỷ luật, tinh thần tập thể, trách nhiệm xã hội của người lao động. Môi trường làm việc chuyên nghiệp là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng trong việc sử dụng nhân lực và đây cũng là một hình thức đào tạo nhân lực có hiệu quả. Hàng năm, Công ty lập kế hoạch đào tạo ngắn hạn và dài hạn cho người lao động. Chương trình đào tạo được thiết kế để nâng cao kỹ năng của nhân viên và giúp người lao động thích nghi với công nghệ mới và quy trình sản xuất tối ưu hóa.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật của Nhà nước về các chế độ chính sách; tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

- Tình hình tiêu thụ nước cao hơn năm trước (21.418 m^3 năm 2024/ 19.940 m^3 năm 2023). Năm 2024 Công ty sản xuất bình thường, quy mô Công ty không có sự thay đổi lớn.

- Tình hình sử dụng năng lượng ổn định, gồm 2 loại: Điện năng và dầu diesel. Công ty luôn giám sát và thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm tiêu thụ điện năng, tiết kiệm nước trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Các nguồn thải không đổi, được giám sát định kỳ theo đúng chương trình quan trắc đã được phê duyệt.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động. Đánh giá hiệu quả công việc qua việc thỏa thuận KPI của vị trí công việc.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Công ty luôn nhận thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn trên địa bàn.

- Với cộng đồng địa phương Công ty thực hiện đúng quy định về chất thải của pháp luật môi trường, không gây tiếng ồn cũng như nguồn nước thải đúng tiêu chuẩn quy định.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2024, được đánh giá, đề cập tại mục II của báo cáo, cụ thể:

- Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

- Về tổ chức nhân sự: Nhân sự Ban điều hành không có sự thay đổi được đề cập tại mục II.2, mục V.1.a, mục V.2.a. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty ổn định, không có nhiều biến động.
- Về tình hình đầu tư: Luôn được Công ty xem xét phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty trong trung và dài hạn. Các dự án đầu tư của Công ty được thực hiện đúng tiến độ và luôn tuân thủ các quy định của pháp luật Nhà nước.
- Về tình hình tài chính: Tài chính của Công ty minh bạch và lành mạnh.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.
- Cơ cấu cổ đông: Ít biến động, không có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông lớn.
- Cung cấp thông tin cho cổ đông: Luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- Trách nhiệm môi trường và xã hội: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của Nhà nước, chấp hành đầy đủ các quy định của các cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường, thực hiện việc quản lý chặt chẽ nguồn vật tư, nguyên liệu sản xuất không làm ảnh hưởng đến môi trường. Các phế liệu, phế phẩm, chất thải trong quá trình sản xuất được Công ty phân loại theo quy định và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng, có chuyên môn phù hợp với từng loại chất thải để thu hồi và xử lý. Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội hỗ trợ cộng đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Mặc dù gặp nhiều khó khăn về thị trường, giá cả vật tư hàng hóa tăng cao, tỷ giá tăng đột biến..., xong Công ty vẫn đạt được những kết quả khả quan, với những kết quả Công ty đã đạt được, qua giám sát, Hội đồng quản trị đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong năm 2024, như sau:

- Ban Giám đốc đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao cho;
- Ban Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy chế nội bộ đã được Hội đồng quản trị ban hành trong điều hành sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban và thực hiện nghiêm túc các Quyết định và Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng;
- Tổ chức, giám sát quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên liệu trong sản xuất;
- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng trên cơ sở đánh giá hiệu quả công việc, đảm bảo ổn định thu nhập của người lao động. Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch bệnh, chăm lo sức khỏe đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty;
- Triển khai áp dụng số hóa số liệu sản xuất hiệu quả tại Phân xưởng, ứng dụng hệ thống quản trị tiên tiến về hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, từ đó giúp công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh kịp thời, hiệu quả;
- Công ty đã áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018;
- Thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, thực hiện đúng, kịp thời Quy chế về công bố thông tin, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, tham dự các cuộc họp...
- Đặc biệt Hội đồng quản trị đánh giá cao sự quyết tâm và hoàn thành việc thực hiện các dự án đầu tư thiết bị máy móc kịp thời, vượt tiến độ góp phần đáp ứng kịp thời năng lực sản xuất, gia tăng sản lượng trong năm 2024.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị tiếp tục tuân thủ các mục tiêu, định hướng chiến lược của Công ty được đề cập tại Mục I.4 của báo cáo để thực hiện.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Ban Giám đốc để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra đồng thời Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát công ty trong việc sau:

+ Triển khai hiệu quả việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

+ Tuân thủ Điều lệ, quy chế, quy định nội bộ. Chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật của Nhà nước về các chế độ chính sách;

+ Nghiên cứu, đầu tư công nghệ mới để tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường sản phẩm.

+ Nghiên cứu mở rộng lĩnh vực hợp tác kinh doanh, thành lập Chi nhánh sản xuất tại các vùng miền khác nhau...

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu quản trị theo thông lệ quản trị tiên tiến và phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để phù hợp với nhu cầu khách hàng và ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Đặc biệt thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực để đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Châu Tuấn	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	13/01/1964
+ Nơi sinh:	Thái Nguyên
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Đại học.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hòa Việt.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh	Như trên (Thông tin như phần II.2.a)
3. Ông Nguyễn Đức Hanh	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	01/01/1974
+ Nơi sinh:	TP. Hồ Chí Minh
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Chế tạo máy, Cử nhân Quản

	lý Công nghiệp.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	22.830 CP, chiếm 0,09% vốn điều lệ.
4. Bà Lê Diễm Anh	
+ Giới tính:	Nữ
+ Ngày tháng năm sinh:	28/06/1979
+ Nơi sinh:	Thành phố Hồ Chí Minh
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Hóa Thực phẩm.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư - Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
5. Ông Đỗ Ngọc Quang	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	18/08/1973
+ Nơi sinh:	Phú Thọ
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Quản lý Xã hội.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long; Chủ tịch Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- **Cổ phiếu đại diện sở hữu:**

+ Ông Châu Tuấn đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 8.124.480 cổ phiếu, chiếm 31% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Hoàng Minh đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.620.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Đức Hanh đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.620.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.

+ Bà Lê Diễm Anh đại diện sở hữu cho Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn số lượng 1.672.540 cổ phiếu, chiếm 6,38% vốn điều lệ.

- **Cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị:**

+ Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành gồm 03 thành viên: Ông Châu Tuấn, Bà Lê Diễm Anh và Ông Đỗ Ngọc Quang.

+ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm điều hành gồm 02 thành viên: Ông Nguyễn Hoàng Minh, Ông Nguyễn Đức Hanh.

+ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Ông Đỗ Ngọc Quang.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tiến hành 15 cuộc họp (bao gồm xin ý kiến bằng văn bản) và ban hành 20 Nghị quyết sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung
1	08/NQ-CPCL	08/01/2024	Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023.
2	62/NQ-CPCL	31/01/2024	Thông qua Báo cáo thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2024; Thông qua quyết toán chi phí thị trường năm 2023; Thông qua quyết toán chi phí thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới năm 2023; Thông qua quyết toán Quỹ lương thực hiện năm 2023; Thông qua quyết toán 02 khoản mục chi phí quản lý năm 2023; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Phân phối tiền lương, thù lao của Công ty cổ phần Cát Lợi; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 4 năm 2023 và kế hoạch hoạt động quý 1 năm 2024 của Ban Kiểm soát nội bộ; Thông qua việc chuyển tiền góp vốn vào Công ty TNHH Bao bì C&A.
3	63/NQ-CPCL	31/01/2024	Thông qua việc chấp thuận Giám đốc - Người đại diện pháp luật của Công ty được ký kết các hợp đồng mua, bán hàng

			hóa và dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với tổ chức có liên quan của Ông Nguyễn Hoàng Minh và Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng là Công ty TNHH Bao bì C&A. Giá trị mỗi hợp đồng và giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Thời gian thực hiện ký kết các hợp đồng: trong năm 2024.
4	123/NQ-CPCL	14/3/2024	Thống nhất thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; Thống nhất thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
5	174/NQ-CPCL	02/4/2024	Thống nhất thông qua Báo cáo thường niên Công ty cổ phần Cát Lợi năm 2023.
6	200/NQ-CPCL	23/4/2024	Hội đồng quản trị đã nhất trí thông qua dự thảo các tài liệu để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét, quyết định thông qua.
7	201/NQ-CPCL	23/4/2024	Thông qua Báo cáo thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2024; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2024; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 1 năm 2024, kế hoạch hoạt động quý 2 năm 2024 của Ban Kiểm soát nội bộ; Thông qua chủ trương đầu tư Tài sản cố định của Công ty; Thống nhất thông qua việc thanh lý Tài sản cố định đã qua sử dụng của Công ty; Thông qua việc điều chỉnh Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Đầu tư vốn ra ngoài Công ty áp dụng cho Công ty cổ phần Cát Lợi; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ bí mật nội bộ trong Công ty cổ phần Cát Lợi; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tuyển dụng lao động vào làm việc tại Công

			ty cổ phần Cát Lợi; Phê duyệt công trình "Cải tạo hệ thống điều hòa nhiệt độ khu vực Phân xưởng Cây đầu lọc".
8	260/NQ-CPCL	27/5/2024	Thống nhất thông qua ngày chốt danh sách cổ đông, thanh toán cổ tức đợt cuối năm 2023.
9	321/NQ-CPCL	17/6/2024	Thông qua việc cử cán bộ đi công tác.
10	338/NQ-CPCL	25/6/2024	Thông qua việc cử cán bộ đi công tác.
11	493/NQ-CPCL	29/8/2024	Thông qua Báo cáo thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2024; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3 năm 2024; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 2 năm 2024, kế hoạch hoạt động quý 3 năm 2024 của Ban Kiểm soát nội bộ; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Đăng ký, xét công nhận sáng kiến của Công ty cổ phần Cát Lợi.
12	511/NQ-CPCL	13/9/2024	Thành lập Tổ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.
13	531/NQ-CPCL	20/9/2024	Thông qua việc cử cán bộ đi công tác.
14	560/NQ-CPCL	10/10/2024	Thông qua việc bổ nhiệm lại Người phụ trách quản trị Công ty.
15	561/NQ-CPCL	10/10/2024	Thông qua Báo cáo kết quả ước thực hiện sản xuất kinh doanh quý 3 năm 2024; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2024; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 3 năm 2024, kế hoạch hoạt động quý 4 năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của Ban Kiểm soát nội bộ; Thông qua quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; Thông qua việc rà soát, đưa ra, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý; Thông qua việc cử cán bộ đi công tác.
16	583/NQ-CPCL	17/10/2024	Thông qua việc cử cán bộ đi công tác.

17	661/NQ-CPCL	25/11 /2024	Thông qua, ban hành mới Quy chế Công tác cán bộ của Công ty cổ phần Cát Lợi; Thông qua việc thanh lý TSCĐ của Công ty; Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch chi phí thị trường năm 2024.
18	747/NQ-CPCL	26/12 /2024	Thông qua kết quả ước thực hiện sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2024; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2025; Thông qua dự toán ngân sách 2025; Thông qua việc thực hiện phương án chiết khấu năm 2025; Thông qua việc phê duyệt kế hoạch thực hiện công tác phát triển Khoa học và Công nghệ 2025-2029; Thông qua việc ban hành Quy chế Khoa học và Công nghệ; Quy chế Quản lý, chi tiêu và sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ; Thông qua việc thành lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty cổ phần Cát Lợi; Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động mạng lưới an toàn, vệ sinh viên của Công ty cổ phần Cát Lợi; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 4 năm 2024, kế hoạch hoạt động quý 1 năm 2025 của Ban Kiểm soát nội bộ.
19	748/NQ-CPCL	26/12 /2024	Thông qua việc chấp thuận Giám đốc - Người đại diện pháp luật của Công ty được ký kết các hợp đồng mua, bán hàng hóa và dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với tổ chức có liên quan của Ông Nguyễn Hoàng Minh và Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng là Công ty TNHH Bao bì C&A. Thông qua việc chấp thuận Giám đốc - Người đại diện pháp luật của Công ty được ký kết các hợp đồng mua, bán hàng hóa và dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với tổ chức có liên quan của Ông Đỗ Ngọc

			Quang là Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng. Giá trị mỗi hợp đồng và giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Thời gian thực hiện ký kết các hợp đồng: trong năm 2025.
20	749/NQ-CPCL	26/12 /2024	Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh.

d. Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Công ty có 01 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách Ban Kiểm soát nội bộ Công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã chỉ đạo, giám sát và tư vấn cho Hội đồng quản trị để hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và tham gia các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; tham gia đóng góp ý kiến và biểu quyết các nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị một cách độc lập, khách quan.

e. Kết quả đánh giá của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị tổ chức quản lý và giám sát hoạt động của Công ty thông qua các Nghị quyết, Quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tập trung chỉ đạo, giám sát và hoàn thành tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Chỉ đạo và giám sát Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị về kế hoạch kinh doanh; kế hoạch ngân sách; tài chính; đầu tư; cán bộ quản lý; hệ thống quản trị Công ty;…

- Chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư đã được Hội đồng quản trị phê duyệt đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ;
- Chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc thực hiện quyền đối với cổ đông gồm: công bố thông tin cho cổ đông kịp thời và đúng quy định của pháp luật; thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc tuân thủ các quy định về chính sách pháp luật, bảo vệ môi trường; quan tâm đến đời sống, thu nhập, phúc lợi, môi trường làm việc của người lao động; khuyến khích, ủng hộ Công ty tài trợ kinh phí cho các hoạt động xã hội, cộng đồng.

f. Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Không.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Bà Trần Thị Ánh	
+ Giới tính:	Nữ
+ Ngày tháng năm sinh:	05/10/1977
+ Nơi sinh:	Hà Nam
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Trưởng Ban Kiểm soát.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
2. Bà Đỗ Thu Hà	
+ Giới tính:	Nữ
+ Ngày tháng năm sinh:	07/10/1975
+ Nơi sinh:	Hà Nội
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Ủy viên Ban Kiểm soát.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Phó Ban Tài chính - Kế toán - Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.

+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
3. Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	20/08/1984
+ Nơi sinh:	Thành Phố Hồ Chí Minh
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Ủy viên Ban Kiểm soát.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Chuyên viên Ban Kiểm tra - Kiểm soát - Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát 2024:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty, thực hiện các công việc khác theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành.
- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước tại Công ty trong công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính, đầu tư, kiểm kê, chi phí, hợp đồng mua bán nguyên phụ liệu, công nợ…
- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị Công ty.
- Làm việc và lập báo cáo hàng quý, đồng thời có gửi báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, báo cáo có phân tích so sánh và kiến nghị một số vấn đề liên quan đến công tác quản lý tài chính của Công ty và các công tác khác.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty theo thư mời.
- Tham dự các cuộc họp sản xuất trong tháng và các cuộc họp đột xuất khác của Công ty.
- Tham gia ý kiến trong việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty.

Ban Kiểm soát họp trong năm và thực hiện kiểm tra giám sát theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, cụ thể như sau:

- Ngày 01/02/2024, Ban Kiểm soát lập Báo cáo hoạt động năm 2023 và Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023.

- Ngày 18/03/2024, Ban Kiểm soát tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành báo cáo kiểm toán ngày 11/03/2024.
- Ngày 24/04/2024, Ban Kiểm soát lập Báo cáo năm 2023 trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.
- Ngày 26/04/2024, kiểm tra soát xét Báo cáo tài chính quý 1 năm 2024, lập Báo cáo của Ban Kiểm soát & triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát thông qua kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát.
- Ngày 27/05/2024, Ban Kiểm soát họp kỳ 1/2024 với nội dung triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát quý 2 năm 2024 tại Công ty.
- Ngày 19 và ngày 22/07/2024, tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện các hợp đồng mua bán nguyên vật liệu, công cụ lao động, phụ tùng thay thế, tình hình công nợ, tiêu thụ sản phẩm, chi phí 6 tháng đầu năm 2024 và tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2024.
- Ngày 22/07/2024, Ban Kiểm soát họp kỳ 2/2024 với nội dung triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các khoản mục chi phí, công nợ, các khoản đầu tư, vay vốn ngân hàng và các quy chế 6 tháng cuối năm 2024.
- Ngày 23/07/2024, Ban Kiểm soát lập Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty.
- Ngày 15/08/2024, Ban Kiểm soát thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành báo cáo kiểm toán ngày 08/08/2024.
- Ngày 28/10/2024, Ban Kiểm soát tiến hành kiểm tra soát xét Báo cáo tài chính quý 3 năm 2024 và lập Báo cáo của Ban Kiểm soát.
- Ngày 18 và ngày 19/11/2024, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, tình hình công nợ phải thu, phải trả, các khoản đầu tư, danh mục tài sản, vay vốn ngân hàng và các khoản mục chi phí đến T10/2024.
- Ngày 19/11/2024, Ban Kiểm soát họp kỳ 3/2024 nội dung xem xét các vấn đề liên quan đến tính tuân thủ của việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, soát xét một số quy chế, quy định của Công ty và triển khai giám sát quý 4 năm 2024.

- Ngày 04/12/2024, Ban Kiểm soát lập Báo hoạt động năm 2024 và xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2025.
- Ngoài các cuộc họp trên, Trưởng Ban tham dự các cuộc họp với Ban Giám đốc và các lãnh đạo phòng ban về kết quả sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm của Công ty… Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách làm việc tại Công ty thường xuyên trao đổi những thông tin qua điện thoại, email tới các Thành viên trong Ban về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Các hoạt động phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị có Ban Kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển sang Ban Kiểm soát để Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và điều hành của Ban Giám đốc.
- Thường xuyên phối hợp cùng với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các cổ đông trong cũng như ngoài Công ty như hoạt động sản xuất kinh doanh, lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, dự kiến chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội… để thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra.
- Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính, cũng như việc tuân thủ Điều lệ, quy chế trong hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của từng Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng năm 2024:

Đơn vị tính đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
STT	**Họ và tên**	**Chức vụ**	**Lương, thù lao và các lợi ích khác**	**Thưởng BQL điều hành**	**Tổng thu nhập sau thuế**
1	Ông Châu Tuấn	Chủ tịch HĐQT	353.650.400	130.456.000	484.106.400
2	Ông Nguyễn Hoàng Minh	Ủy viên, Giám đốc	1.646.446.838	104.366.000	1.750.812.838
3	Ông Nguyễn Đức Hanh	Ủy viên	1.139.001.350	86.972.000	1.225.973.350
4	Bà Lê Diễm Anh	Ủy viên	357.998.800	86.972.000	444.970.800
5	Ông Đỗ Ngọc Quang	Ủy viên	339.998.800	86.972.000	426.970.800
Tổng cộng			**3.837.096.188**	**495.738.000**	**4.332.834.188**
BAN KIỂM SOÁT					
STT	**Họ và tên**	**Chức vụ**	**Lương, thù lao và các lợi ích khác**	**Thưởng BQL điều hành**	**Tổng thu nhập sau thuế**
1	Bà Trần Thị Ánh	Trưởng BKS	1.045.012.874	34.789.000	1.079.801.874
2	Bà Đỗ Thu Hà	Ủy viên	258.756.600	17.394.000	276.150.600
3	Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Ủy viên	258.756.600	17.394.000	276.150.600
Tổng cộng			**1.562.526.074**	**69.577.000**	**1.632.103.074**

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG					
STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Ông Nguyễn Hoàng Minh	Giám đốc	Như trên	Như trên	Như trên
2	Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc	1.160.271.561	86.972.000	1.247.243.561
3	Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc	1.024.684.626	79.724.000	1.104.408.626
4	Ông Liêu Phước Tính	Kế toán trưởng	1.059.449.365	34.789.000	1.094.238.365
Tổng cộng			**3.244.405.552**	**201.485.000**	**3.445.890.552**

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	**Ông Nguyễn Hoàng Minh**	TV HĐQT, Giám đốc Công ty - Người Đại diện theo pháp luật & Người công bố thông tin	6.710	0,03%	44.110	0,17%	Đầu tư cá nhân

2	**Bà Phạm Thị Bích Chi**	Người liên quan của Ông Châu Tuấn (Chủ tịch HĐQT)	20.477	0,08%	28.077	0,11%	Mua (19.409 CP), bán (11.809 CP) đáp ứng nhu cầu tài chính cá nhân
3	**Ông Dương Hiển Vĩnh**	Thư ký Hội đồng quản trị	60	0,00%	60	0,00%	Mua (5.200 CP), bán (5.200 CP) đáp ứng nhu cầu tài chính cá nhân

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Các cổ đông nội bộ không có bất kỳ hợp đồng giao dịch cá nhân nào với Công ty. Các giao dịch, hợp đồng mua bán giữa Công ty với các bên liên quan được thể hiện trong Báo cáo tài chính của Công ty được đính kèm.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

- Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Nhà nước.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 12 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và

trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

- Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.
- Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.
- Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

- Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cát Lợi tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 36 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại theo Thông báo Kết quả kiểm toán tại Công ty cổ phần Cát Lợi số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của Kiểm toán Nhà nước.

- Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến của Kiểm toán viên đã trình bày.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Đính kèm).

Trân trọng./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

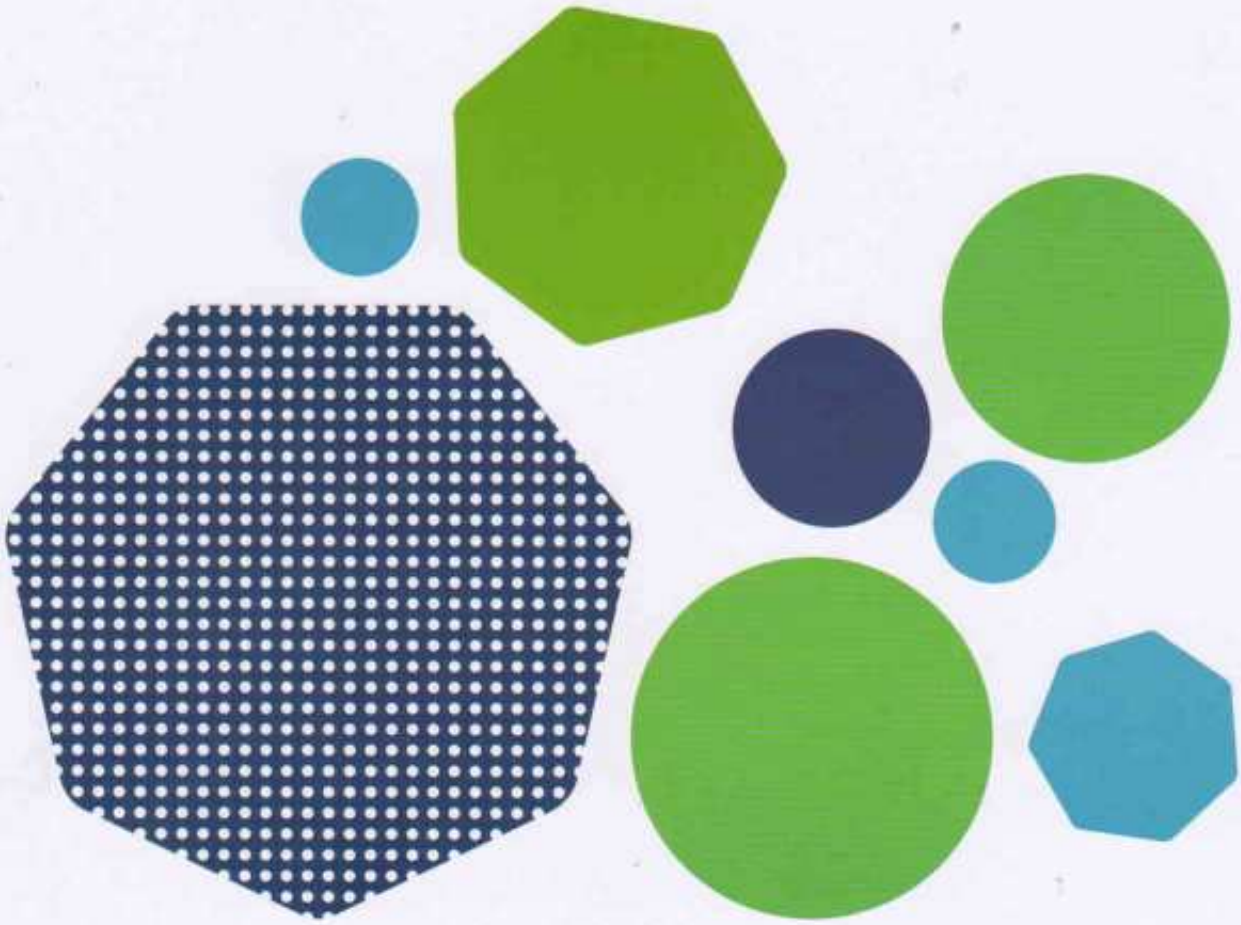
Châu Tuấn

UHY Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

Giúp Khách hàng phát triển thịnh vượng

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0303185504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/06/2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các Cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng;
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Châu Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hanh	Thành viên
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Ánh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Minh	Giám đốc
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2024 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Minh - Giám đốc Công ty.

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Liêu Phước Tính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0303185504 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Nguyễn Hoàng Minh
Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Số. 003 /2025/UHYHCM-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cát Lợi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 12 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 36 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại theo Thông báo Kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cát Lợi số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của Kiểm toán Nhà nước.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến của Kiểm toán viên đã trình bày.

Phan Thanh Điền	**Hà Thị Thanh Thúy**
Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán	Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1496-2023-112-1	số: 4707-2024-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024 (Trình bày lại)
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.841.282.095.680**	**1.458.100.095.277**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**32.039.406.447**	**27.684.777.127**
Tiền	111		32.039.406.447	27.684.777.127
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**345.815.712.275**	**313.239.003.133**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	338.549.559.575	311.890.357.472
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.676.722.700	993.429.720
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.589.430.000	355.215.941
Hàng tồn kho	**140**	**9**	**1.391.721.925.552**	**1.094.837.436.546**
Hàng tồn kho	141		1.391.721.925.552	1.094.837.436.546
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**71.705.051.406**	**22.338.878.471**
Chi phí trả trước ngắn hạn (*)	151	14	12.578.768.623	12.598.108.656
Thuế GTGT được khấu trừ (*)	152		59.126.282.783	8.819.418.917
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	921.350.898
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**113.993.727.923**	**114.004.244.254**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**1.510.230.000**
Phải thu dài hạn khác	216	8	-	1.510.230.000
Tài sản cố định	**220**		**110.498.801.204**	**24.862.420.765**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	106.875.855.954	20.344.089.632
- Nguyên giá	*222*		*861.354.910.542*	*746.854.610.466*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(754.479.054.588)*	*(726.510.520.834)*
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.622.945.250	4.518.331.133
- Nguyên giá	*228*		*19.514.449.299*	*19.874.199.299*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(15.891.504.049)*	*(15.355.868.166)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**105.194.216**	**87.548.356.984**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	105.194.216	87.548.356.984
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**13**	**3.229.348.753**	**-**
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.000.000.000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.770.651.247)	-
Tài sản dài hạn khác	**260**		**160.383.750**	**83.236.505**
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	160.383.750	83.236.505
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**1.955.275.823.603**	**1.572.104.339.531**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024 (Trình bày lại)
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.045.472.119.467**	**692.896.043.507**
Nợ ngắn hạn	**310**		**1.024.694.765.723**	**692.390.048.425**
Phải trả người bán ngắn hạn (*)	311	15	323.456.984.840	324.969.826.932
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	313	16	14.185.619.695	12.518.821.094
Phải trả người lao động	314		29.268.843.546	27.132.041.280
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	458.327.470	524.348.157
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	48.767.580	45.739.660
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	645.046.129.370	310.376.852.783
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.230.093.222	16.822.418.519
Nợ dài hạn	**330**		**20.777.353.744**	**505.995.082**
Phải trả dài hạn khác	337	18	1.772.353.744	505.995.082
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		19.005.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**909.803.704.136**	**879.208.296.024**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**909.803.704.136**	**879.208.296.024**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*262.075.830.000*	*262.075.830.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		64.847.400.000	64.847.400.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		343.870.353.270	323.138.546.696
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		239.010.120.866	229.146.519.328
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*88.781.032.024*	*85.170.056.516*
- LNST chưa phân phối năm nay (*)	*421b*		*150.229.088.842*	*143.976.462.812*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.955.275.823.603**	**1.572.104.339.531**

(*) Điều chỉnh hồi tố số liệu tại ngày 01/01/2024 theo Thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của Kiểm toán Nhà nước.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Đức Huy	Liêu Phước Tính	Nguyễn Hoàng Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**22**	**3.691.795.747.506**	**2.970.911.732.676**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	71.931.185	81.703.985
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**3.691.723.816.321**	**2.970.830.028.691**
Giá vốn hàng bán (*)	11	24	3.284.713.078.582	2.633.920.774.056
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**407.010.737.739**	**336.909.254.635**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	11.669.536.922	10.068.368.647
Chi phí tài chính	22	26	71.024.314.372	53.790.625.095
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*19.121.439.107*	*20.511.794.861*
Chi phí bán hàng (*)	25	27	45.179.244.546	34.714.384.478
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	112.988.621.976	78.418.027.049
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**189.488.093.767**	**180.054.586.660**
Thu nhập khác	31	28	2.179.673.948	533.918.381
Chi phí khác	32	29	1.375.769.837	-
Lợi nhuận khác	**40**		**803.904.111**	**533.918.381**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**190.291.997.878**	**180.588.505.041**
Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	51	30	40.062.909.036	36.612.042.229
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**150.229.088.842**	**143.976.462.812**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**	**31**	**5.159**	**4.929**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	**71**	**31**	**5.159**	**4.929**

(*) Điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2023 theo Thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của Kiểm toán Nhà nước.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Đức Huy	Liêu Phước Tính	Nguyễn Hoàng Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế (*)	**01**		**190.291.997.878**	**180.588.505.041**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		35.390.424.739	19.444.063.529
Các khoản dự phòng	03		2.770.651.247	-
Lãi/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		607.295.242	(222.471.833)
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	05		(664.430.274)	(397.865.611)
Chi phí lãi vay	06		19.121.439.107	20.511.794.861
Các điều chỉnh khác	07		19.005.000.000	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***266.522.377.939***	***219.924.025.987***
Tăng/giảm các khoản phải thu (*)	09		(77.140.153.030)	(44.469.717.775)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(296.884.489.006)	(68.265.969.719)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) (*)	11		58.449.630.355	55.066.545.256
Tăng/giảm chi phí trả trước (*)	12		(57.807.212)	4.242.970.828
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.187.459.794)	(20.282.080.454)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(43.264.754.384)	(33.398.509.250)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.000.000	28.100.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(19.398.674.027)	(12.458.161.863)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(130.958.329.159)***	***100.387.203.010***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(89.191.529.230)	(41.790.291.148)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		584.299.852	244.835.185
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		80.130.422	153.030.426
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(94.527.098.956)***	***(41.392.425.537)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		2.207.682.070.000	1.803.298.894.629
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.873.012.793.413)	(1.766.902.104.217)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(104.830.332.000)	(91.726.540.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***229.838.944.587***	***(55.329.750.088)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**4.353.516.472**	**3.665.027.385**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**5**	**27.684.777.127**	**24.018.704.684**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.112.848	1.045.058
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**5**	**32.039.406.447**	**27.684.777.127**

(*) Điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2023 theo Thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của Kiểm toán Nhà nước.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Đức Huy	Liêu Phước Tính	Nguyễn Hoàng Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0303185504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 08/06/2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại 934D2 Đường D, Khu Công Nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 10 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCKGPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mã cổ phiếu là: CLC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 311 người và tại ngày 01/01/2024 là 304 người.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bao bì thuốc lá và đầu lọc thuốc lá. Theo đó giá thị trường biến động của các sản phẩm trên sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu. Bên cạnh đó, tình hình và số lượng các nhà sản xuất cùng ngành ngày càng gia tăng cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Công ty có Công ty liên doanh là Công ty TNHH Bao Bì C & A như được trình bày tại thuyết minh số 13 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 36 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT- BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá ngoại tệ áp dụng khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và được ghi nhận vào thu nhập trong năm.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc, thiết bị	2,5 - 18
- Phương tiện vận tải	3 - 11
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 12

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty được giao trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất này được trích khấu hao trong 32 năm theo hướng dẫn tại Công văn số 10603 TC/PC ngày 20 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm được xác định thời gian khấu hao 2 năm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản liên quan.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng.

4.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Công ty liên doanh được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Công ty liên doanh phải tổ chức thực hiện công tác kế toán riêng theo quy định của pháp luật hiện hành về kế toán, chịu trách nhiệm kiểm soát tài sản, các khoản nợ phải trả, doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh tại đơn vị mình. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trích lập khi công ty được đầu tư bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty được đầu tư. Nếu công ty được đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc Báo cáo tài chính năm và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, phần mềm và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí phần mềm và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng.

4.12 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh chi phí lãi vay trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có các nghĩa vụ về nợ phải trả hiện tại và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

4.15 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn:

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.17 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.18 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất phổ thông (20%) tính trên thu nhập chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT- BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.19 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm sản xuất Cây đầu lọc; In nhãn túi; Giấy sáp, lưỡi gà và sản phẩm khác.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt lớn về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

4.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Biên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.20 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, Công ty liên doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tiền mặt	312.228.000	785.825.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.727.178.447	26.898.952.127
Cộng	**32.039.406.447**	**27.684.777.127**

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	**338.549.559.575**	**311.890.357.472**
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	13.806.744.602	9.202.608.566
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	138.621.405.947	111.629.031.264
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	62.065.868.857	68.051.811.584
- Đối tượng khác	124.055.540.169	123.006.906.058
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 33)	**309.849.610.616**	**277.838.504.963**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	**4.676.722.700**	**993.429.720**
- Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật cơ điện lạnh R.E.E	2.700.000.000	-
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Hoàng Đỉnh	623.927.700	-
- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin Đại Dương Mới	616.000.000	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Mai Gia	253.205.000	-
- Công ty TNHH Xây lắp điện Kiến Lập	-	113.992.920
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	-	102.643.000
- Công ty TNHH TM DV& SX Đồng phục Đan Thanh	113.184.000	211.654.080
- Các khoản trả trước cho người bán khác	370.406.000	565.139.720
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**2.589.430.000**	-	**355.215.941**	-
- Tạm ứng	791.500.000	-	67.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ (*)	1.797.930.000	-	285.700.000	-
- Phải thu khác	-	-	2.515.941	-
Dài hạn	**-**	**-**	**1.510.230.000**	**-**
- Ký cược, ký quỹ	-	-	1.510.230.000	-
Cộng	**2.589.430.000**	-	**1.865.445.941**	-

(*) Đây là khoản ký cược, ký quỹ gồm đặt cọc thuê xe nâng là 260.000.000 đồng, đặt cọc thuê kho là 1.500.000.000 đồng, đặt cọc thuê máy photocopy là 10.230.000 đồng và các khoản đặt cọc khác là 27.700.000 đồng.

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	109.885.499.016	-	83.587.040.314	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.188.493.408.236	-	928.913.678.364	-
Công cụ, dụng cụ	23.005.274	-	27.129.091	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	125.540.520	-	40.385.674	-
Thành phẩm	93.057.363.026	-	82.151.822.243	-
Hàng hóa	137.109.480	-	117.380.860	-
Cộng	**1.391.721.925.552**	-	**1.094.837.436.546**	-

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2024	**32.588.631.570**	**691.036.645.300**	**15.931.023.077**	**7.298.310.519**	**746.854.610.466**
- Mua trong năm	849.160.000	119.088.264.269	999.990.000	89.390.909	121.026.805.178
- Thanh lý	(129.871.080)	(4.668.089.130)	(1.155.104.910)	(573.439.982)	(6.526.505.102)
Tại 31/12/2024	**33.307.920.490**	**805.456.820.439**	**15.775.908.167**	**6.814.261.446**	**861.354.910.542**
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2024	**(30.954.264.818)**	**(675.218.766.395)**	**(13.712.278.548)**	**(6.625.211.073)**	**(726.510.520.834)**
- Khấu hao trong năm	(457.871.149)	(32.061.945.746)	(1.464.200.440)	(511.021.521)	(34.495.038.856)
- Thanh lý	129.871.080	4.668.089.130	1.155.104.910	573.439.982	6.526.505.102
Tại 31/12/2024	**(31.282.264.887)**	**(702.612.623.011)**	**(14.021.374.078)**	**(6.562.792.612)**	**(754.479.054.588)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2024	**1.634.366.752**	**15.817.878.905**	**2.218.744.529**	**673.099.446**	**20.344.089.632**
Tại 31/12/2024	**2.025.655.603**	**102.844.197.428**	**1.754.534.089**	**251.468.834**	**106.875.855.954**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 726.868.952.913 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 693.226.334.295 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là: 29.995.474.738 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 29.995.474.738 đồng) .

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là: 473.911.597 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 646.243.087 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2024	**15.502.607.589**	**4.371.591.710**	**19.874.199.299**
- Thanh lý	-	(359.750.000)	(359.750.000)
Tại 31/12/2024	**15.502.607.589**	**4.011.841.710**	**19.514.449.299**
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2024	**(11.942.850.414)**	**(3.413.017.752)**	**(15.355.868.166)**
- Khấu hao trong năm	(350.140.050)	(545.245.833)	(895.385.883)
- Thanh lý	-	359.750.000	359.750.000
Tại 31/12/2024	**(12.292.990.464)**	**(3.598.513.585)**	**(15.891.504.049)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2024	**3.559.757.175**	**958.573.958**	**4.518.331.133**
Tại 31/12/2024	**3.209.617.125**	**413.328.125**	**3.622.945.250**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 2.954.716.710 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 2.914.066.710 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là: 15.502.607.589 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 15.502.607.589 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là: 3.209.617.125 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 3.559.757.175 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Mua sắm tài sản cố định		
- Máy in ống đồng 12 màu tích hợp 2 cụm sấy UV, tốc độ 250 mét/phút, mới 100%	-	87.547.756.984
- Hệ thống điều hòa nhiệt độ tại phân xưởng cây đầu lọc	105.194.216	-
- Máy ép nhũ tích hợp dập nổi - cắt - bế phẳng tự động, mới 100%	-	600.000
Cộng	**105.194.216**	**87.548.356.984**

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2024			Tại 01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh						
- Công ty TNHH Bao Bì C & A (*)	6.000.000.000	(2.770.651.247)	3.229.348.753	-	-	-
Tổng cộng	**6.000.000.000**	**(2.770.651.247)**	**3.229.348.753**	-	-	-

(*) Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Bao Bì C & A, với giá trị phần góp vốn là 6.000.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 50%. Công ty TNHH Bao bì C & A được thành lập vào ngày 18/01/2024 với vốn điều lệ là 12 tỷ đồng, trụ sở chính tại số 38A Đại lộ Hữu Nghị, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH Bao bì C & A là sản xuất bao bì từ giấy và bìa. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty TNHH Bao bì C & A tự lập.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 (Trình bày lại) VND
Ngắn hạn	**12.578.768.623**	**12.598.108.656**
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.682.936.575	9.753.371.633
- Chi phí khác	2.895.832.048	2.844.737.023
Dài hạn	**160.383.750**	**83.236.505**
- Chi phí khác	160.383.750	83.236.505

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024 (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	**323.456.984.840**	**323.456.984.840**	**324.969.826.932**	**324.969.826.932**
- Công ty Dr.Franz Feurstein Gmbh	38.353.487.733	38.353.487.733	44.079.071.427	44.079.071.427
- Công ty PT.INDAH KIAT PULP	11.970.990.738	11.970.990.738	3.984.219.703	3.984.219.703
- Công ty Intelligent Joy Int'l Hongkong Limited	18.291.960.900	18.291.960.900	1.858.239.900	1.858.239.900
- Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc Lá	60.027.317.869	60.027.317.869	85.888.513.017	85.888.513.017
- Công ty Nomura	78.782.113.728	78.782.113.728	59.424.385.997	59.424.385.997
- Công ty Newtoyo	29.983.007.952	29.983.007.952	22.871.441.577	22.871.441.577
- Công ty British American Tobacco	17.556.166.197	17.556.166.197	6.311.156.815	6.311.156.815
- Các khoản phải trả người bán khác	68.491.939.723	68.491.939.723	100.552.798.496	100.552.798.496
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 33)	**68.011.683.103**	**68.011.683.103**	**92.800.092.429**	**92.800.092.429**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2024 (Trình bày lại)		Số phát sinh trong năm		Tại 31/12/2024	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp, phải thu	**12.518.821.094**	**921.350.898**	**235.895.366.141**	**233.307.216.642**	**14.185.619.695**	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	158.881.168.134	158.881.168.134	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	20.779.103.580	20.779.103.580	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.518.821.094	-	40.062.909.036	43.264.754.384	9.316.975.746	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	921.350.898	14.303.274.618	8.513.279.771	4.868.643.949	-
- Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
- Thuế nhà thầu nước ngoài	-	-	1.841.543.555	1.841.543.555	-	-
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	24.366.218	24.366.218	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường	-	-	1.000	1.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
- Trích trước chi phí lãi vay	458.327.470	524.348.157
Cộng	**458.327.470**	**524.348.157**

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	**48.767.580**	**45.739.660**
- Kinh phí công đoàn	48.767.580	45.739.660
b) Dài hạn	**1.772.353.744**	**505.995.082**
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	1.772.353.744	505.995.082
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	**1.821.121.324**	**551.734.742**

(*) Là khoản nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng mái nhà xưởng để lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà, với giá trị là 505.995.082 đồng và khoản nhận đặt cọc chi phí phụ tùng từ khách hàng để sản xuất nhãn in thuốc lá, với giá trị là 1.266.358.662 đồng.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2024		Trong năm		Tại 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	**645.046.129.370**	**645.046.129.370**	**2.207.682.070.000**	**1.873.012.793.413**	**310.376.852.783**	**310.376.852.783**
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh (1)	300.478.554.864	300.478.554.864	1.397.489.208.270	1.261.184.686.843	164.174.033.437	164.174.033.437
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (2)	266.198.487.681	266.198.487.681	430.367.303.505	164.168.815.824	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Bank - CN Tp. Hồ Chí Minh (3)	78.369.086.825	78.369.086.825	292.989.592.576	290.320.007.280	75.699.501.529	75.699.501.529
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TPHCM (4)	-	-	86.835.965.649	157.339.283.466	70.503.317.817	70.503.317.817
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	**645.046.129.370**	**645.046.129.370**	**2.207.682.070.000**	**1.873.012.793.413**	**310.376.852.783**	**310.376.852.783**

(1) Khoản vay từ Hợp đồng cấp tín dụng số 0001/2428/KHDN1/N-CTD ngày 22/01/2024 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 600 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký. Thời hạn khoản vay tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và hệ thống nhà văn phòng, nhà xưởng và các công trình gắn liền với đất tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Khoản vay từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 24.479003/2024-HĐCVHM/NHCT900-CATLOI ngày 16 tháng 09 năm 2024, với hạn mức cho vay không quá 300 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức được tính từ ngày 16/09/2024 đến hết ngày 30/11/2024 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 24.732043/2024-HĐLCHM-SĐBS01/NHCT900-CATLOI ngày 22/11/2024 về việc duy trì hạn mức đến hết ngày 31/05/2025. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(3) Khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số BC_HĐTD/CATLOI_01/20130925 ngày 14/10/2013, được gia hạn bởi phụ lục gia hạn – sửa đổi bổ sung số BC_HĐTD/CATLOI_01/20130925_PL2024 ngày 21/10/2024 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 120 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng cho đến ngày 14/10/2025. Thời hạn cho vay tối đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(4) Khoản vay từ Thư tín dụng số STVN92-19 ngày 29/05/2019 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 5.000.000 Đô la Mỹ hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản tín dụng sẽ được tự động gia hạn sau 12 tháng trừ khi vào thời điểm đó khoản tín dụng bị Ngân hàng hủy bỏ. Thời hạn cho vay tối đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp khoản phải thu tại Ngân hàng.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tỷ lệ %	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	51,00%	133.660.800.000	133.660.800.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6,38%	16.725.400.000	16.725.400.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4,07%	10.676.080.000	10.676.080.000
Cổ đông khác	38,55%	101.013.550.000	101.013.550.000
Cộng	**100%**	**262.075.830.000**	**262.075.830.000**

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	262.075.830.000	262.075.830.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	104.830.332.000	91.726.540.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2024 Cổ phiếu	Tại 01/01/2024 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.207.583	26.207.583
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.207.583	26.207.583
+ Cổ phiếu phổ thông	*26.207.583*	*26.207.583*
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.207.583	26.207.583
+ Cổ phiếu phổ thông	*26.207.583*	*26.207.583*
* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)*	*10.000*	*10.000*

20.4 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	343.870.353.270	323.138.546.696
Cộng	**343.870.353.270**	**323.138.546.696**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2023	**262.075.830.000**	**64.847.400.000**	**289.096.966.329**	**225.620.413.035**	**841.640.609.364**
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	140.365.487.304	140.365.487.304
- Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	-	34.041.580.367	(140.450.356.519)	(106.408.776.152)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	*34.041.580.367*	*(34.041.580.367)*	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	*(14.045.035.652)*	*(14.045.035.652)*
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	*(637.200.000)*	*(637.200.000)*
+ Chia cổ tức năm 2022 (35%)	-	-	-	*(91.726.540.500)*	*(91.726.540.500)*
Tại 31/12/2023	**262.075.830.000**	**64.847.400.000**	**323.138.546.696**	**225.535.543.820**	**875.597.320.516**
Điều chỉnh hồi tố tăng lợi nhuận năm 2023 theo thông báo kết quả kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	3.610.975.508	3.610.975.508
Tại 01/01/2024 (Trình bày lại)	**262.075.830.000**	**64.847.400.000**	**323.138.546.696**	**229.146.519.328**	**879.208.296.024**
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	150.229.088.842	150.229.088.842
- Phân phối lợi nhuận trong năm (**)	-	-	20.731.806.574	(140.365.487.304)	(119.633.680.730)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	*20.731.806.574*	*(20.731.806.574)*	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	*(14.036.548.730)*	*(14.036.548.730)*
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	*(766.800.000)*	*(766.800.000)*
+ Chia cổ tức năm 2023 (40%)	-	-	-	*(104.830.332.000)*	*(104.830.332.000)*
Tại 31/12/2024	**262.075.830.000**	**64.847.400.000**	**343.870.353.270**	**239.010.120.866**	**909.803.704.136**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và đã trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 299/NQ-CPCL ngày 25 tháng 05 năm 2023.

(**) Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và đã trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 258/NQ-CPCL ngày 27 tháng 05 năm 2024.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
a) Tài sản thuê ngoài (VND)	-	-
b) Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	5.161.748.450	5.841.190.085
c) Ngoại tệ các loại:		
- USD	34.067,01	3.988,14
- EUR	1.175,35	1.182,73
- GBP	93,35	99,95
- JPY	20.537,00	21.989,00

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**3.691.795.747.506**	**2.970.911.732.676**
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	3.647.653.543.847	2.940.235.816.821
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	24.486.522.853	9.668.695.127
Doanh thu gia công, chế biến	1.505.228.568	789.951.393
Doanh thu phế liệu thu hồi	16.877.867.412	18.928.597.124
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.272.584.826	1.288.672.211
Cộng	**3.691.795.747.506**	**2.970.911.732.676**
b) Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 33)	**3.327.753.967.881**	**2.626.560.843.391**

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hàng bán bị trả lại	71.931.185	81.703.985
Cộng	**71.931.185**	**81.703.985**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Giá vốn của thành phẩm	3.242.903.629.776	2.604.935.155.081
Giá vốn của vật tư, hàng hóa	23.176.173.910	8.904.900.855
Giá vốn gia công chế biến	942.818.188	323.444.315
Giá vốn phế liệu thu hồi	16.877.867.412	18.928.597.124
Giá vốn của dịch vụ khác	812.589.296	828.676.681
Cộng	**3.284.713.078.582**	**2.633.920.774.056**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	80.130.422	153.030.426
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.589.406.500	9.692.866.388
Lãi do đánh giá lại số dư cuối năm	-	222.471.833
Cộng	**11.669.536.922**	**10.068.368.647**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	19.121.439.107	20.511.794.861
Chiết khấu thanh toán	33.925.100.442	26.299.506.241
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14.599.828.334	6.979.323.993
Lỗ do đánh giá lại số dư cuối năm	607.295.242	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty liên doanh	2.770.651.247	-
Cộng	**71.024.314.372**	**53.790.625.095**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Các khoản chi phí bán hàng	**45.179.244.546**	**34.714.384.478**
Quảng cáo, thị trường	10.648.947.929	983.947.628
Cước vận chuyển, bốc xếp	34.076.750.639	33.283.630.602
Chi phí vật liệu bao bì	55.355.059	65.705.309
Chi phí khác bằng tiền	398.190.919	381.100.939
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	**112.988.621.976**	**78.418.027.049**
Chi phí nhân viên quản lý	65.951.678.600	54.950.468.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.362.436.556	1.742.065.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.386.567.710	5.665.316.446
Chi phí khác bằng tiền	20.282.939.110	16.060.177.296
Chi phí quỹ phát triển khoa học công nghệ (*)	19.005.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TIẾP)

(*) Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 747/NQ-CPCL ngày 26 tháng 12 năm 2024, Công ty thực hiện trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ với giá trị là 19.005.000.000 đồng.

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	584.299.852	244.835.185
Thu nhập từ phế liệu thu hồi	123.140.000	131.500.000
Tiền bồi hoàn hàng hóa hư hỏng	1.381.986.518	-
Thu nhập khác	90.247.578	157.583.196
Cộng	**2.179.673.948**	**533.918.381**

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí hàng hóa hư hỏng	1.348.958.344	-
Chi phí khác bằng tiền	26.811.493	-
Cộng	**1.375.769.837**	**-**

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**190.291.997.878**	**180.588.505.041**
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	**10.022.547.302**	**2.471.706.103**
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.022.547.302	2.471.706.103
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	**200.314.545.180**	**183.060.211.144**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**40.062.909.036**	**36.612.042.229**

31. LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	150.229.088.842	143.976.462.812
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	150.229.088.842	143.976.462.812
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(15.022.908.884)	(14.803.348.730)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	26.207.583	26.207.583
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	**5.159**	**4.929**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (**)	**5.159**	**4.929**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được xác định theo kế hoạch trích lập các quỹ được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 258/NQ-CPCL ngày 27/05/2024.

Ngoài ra, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 258/NQ-CPCL ngày 27/05/2024. Do đó, Công ty trình bày lại số liệu so sánh cho năm 2023 khi tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu.

(**) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông tại ngày 31/12/2024 nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Mã số	Năm 2023 Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Năm 2023 Số trình bày lại VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)		140.365.487.304	3.610.975.508	143.976.462.812
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)		14.036.548.730	766.800.000	14.803.348.730
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**70** **71**	**4.820**	**109**	**4.929**

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.051.466.823.653	2.439.870.838.518
Chi phí nhân công	148.537.900.787	129.067.888.770
Khấu hao tài sản cố định	35.390.424.739	19.444.063.529
Chi phí dự phòng sửa chữa lớn	6.107.060.498	5.556.129.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.848.087.688	61.935.305.018
Chi phí bằng tiền khác	81.475.917.850	54.127.908.070
Chi phí quỹ phát triển khoa học công nghệ	19.005.000.000	-
Cộng	**3.406.831.215.215**	**2.710.002.133.011**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc là Đồng Tháp	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	Công ty thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	Công ty thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	Công ty liên doanh của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Liên Doanh VINA - BAT	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Bao bì C & A	Công ty liên doanh của Công ty
Chi nhánh Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Trung tâm đào tạo Vinataba	Đơn vị thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Ông Châu Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên HĐQT
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đức Hanh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên HĐQT, Giám đốc
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Ánh	Trưởng BKS
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên BKS
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên BKS
Ông Liêu Phước Tính	Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	**3.311.365.373.604**	**2.626.560.843.391**
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	1.662.363.256.387	1.235.659.219.278
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	680.453.896.805	603.969.727.844
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	160.325.196.150	132.487.650.256
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	149.643.815.120	109.482.103.941
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	49.729.183.460	68.167.006.408
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	107.280.752.245	80.858.985.107
- Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	83.865.700.916	69.203.338.015
- Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	111.646.371.034	70.484.783.291
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	70.063.076.030	82.095.986.598
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	91.240.755.790	69.688.266.824
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	92.701.325.665	61.160.735.289
- Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	46.305.921.369	31.873.941.784
- Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	3.097.894.480	9.823.483.963
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	1.112.579.118	1.347.557.643
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	1.467.909.800	201.600.000
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	67.739.235	56.457.150
Doanh thu (chưa VAT) với bên liên quan là Công ty liên doanh, liên kết	**16.388.594.277**	**-**
- Công Ty TNHH Bao Bì C & A	16.388.594.277	-

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Mua hàng, dịch vụ (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	**1.266.604.226.542**	**1.067.764.613.855**
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	1.196.881.011.683	993.351.219.095
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	33.873.750.608	39.746.657.553
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	33.450.931.929	32.873.272.778
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	1.123.887.164	730.044.819
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	625.818.710	394.451.210
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	382.671.200	469.217.680
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	41.400.000	38.510.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	11.990.000	4.095.000
- Chi nhánh Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Trung tâm đào tạo Vinataba	77.685.183	37.777.776
- Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	135.080.065	119.367.944
Mua hàng, dịch vụ (chưa VAT) với bên liên quan là Công ty liên doanh, liên kết	**10.319.241.434**	**-**
- Công ty TNHH bao bì C & A	10.319.241.434	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác từ bên liên quan	**90.247.578**	**157.583.196**
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	90.247.578	157.583.196
Chiết khấu thanh toán cho bên liên quan	**33.925.100.442**	**26.299.506.241**
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	26.516.338.929	19.912.419.884
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	7.408.761.513	6.387.086.357
Cổ tức trả trong năm	**104.830.332.000**	**91.726.540.500**
- Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	53.464.320.000	46.781.280.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6.690.160.000	5.853.890.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4.270.432.000	3.736.628.000
- Cổ đông khác	40.405.420.000	35.354.742.500

Số dư với các bên liên quan	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 (Trình bày lại) VND
Phải thu khách hàng với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	**300.461.645.115**	**277.838.504.963**
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	138.621.405.947	111.629.031.264
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	62.065.868.857	68.051.811.584
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	17.357.175.612	17.442.166.455
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	10.989.032.128	8.431.987.482
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	6.369.225.565	8.700.223.111
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	12.338.559.129	12.979.937.460
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	13.806.744.602	9.202.608.566
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	7.205.125.598	13.185.244.951
- Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	3.885.302.370	6.668.593.822
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	10.700.175.454	11.252.271.984
- Công ty TNHH Liên Doanh VINA - BAT	17.003.611.620	7.581.986.701
- Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	44.128.800	2.633.994.655
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	75.289.433	78.646.928
Phải thu khách hàng với bên liên quan là Công ty liên doanh	**9.387.965.501**	**-**
- Công ty TNHH Bao bì C & A	9.387.965.501	-
Phải trả người bán với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	**66.644.947.423**	**92.800.092.429**
- Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc lá	60.027.317.869	85.888.513.017
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	1.968.035.130	1.785.913.726
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	3.857.460.174	4.324.999.264
- Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Thăng Long	792.134.250	800.666.422
Phải trả người bán với bên liên quan là Công ty liên doanh	**1.366.735.680**	**-**
- Công ty TNHH Bao bì C & A	1.366.735.680	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc		**8.495.319.626**	**7.594.817.099**
Ông Châu Tuấn	Chủ tịch	517.896.000	453.502.000
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên	474.412.000	361.330.000
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên	474.412.000	412.567.000
Ông Nguyễn Đức Hanh	Thành viên	1.670.114.070	1.570.516.037
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên, Giám đốc	2.407.278.587	2.278.048.471
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc	1.558.737.344	1.431.863.591
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc	1.392.469.625	1.086.990.000
- Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng		**3.217.434.629**	**2.957.868.532**
Bà Trần Thị Ánh	Trưởng ban	1.303.027.046	1.243.703.715
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên	306.834.000	249.851.000
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên	306.834.000	270.073.000
Ông Liêu Phước Tính	Kế toán trưởng	1.300.739.583	1.194.240.817
Cộng		**11.712.754.255**	**10.552.685.631**

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Cây đầu lọc, in nhãn tút, giấy sáp, lưỡi gà và sản phẩm khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban Giám đốc ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2024	**Cây đầu lọc VND**	**In nhãn tút VND**	**Giấy sáp, Lưỡi gà VND**	**Sản phẩm khác VND**	**Tổng VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.523.396.241.585	784.619.265.311	339.566.105.766	44.142.203.659	3.691.723.816.321
Khấu hao và chi phí phân bổ	2.467.212.744.702	701.621.047.518	291.551.616.385	41.046.409.838	3.501.431.818.443
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**56.183.496.883**	**82.998.217.793**	**48.014.489.381**	**3.095.793.821**	**190.291.997.878**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	1.870.586.698	118.066.837.571	-	1.089.380.909	121.026.805.178
Tài sản không phân bổ					1.955.275.823.603
Tổng tài sản					**1.955.275.823.603**
Nợ phải trả không phân bổ					1.045.472.119.467
Tổng nợ phải trả					**1.045.472.119.467**

Năm 2023 (Trình bày lại)	**Cây đầu lọc VND**	**In nhãn tút VND**	**Giấy sáp, Lưỡi gà VND**	**Sản phẩm khác VND**	**Tổng VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.929.592.197.881	679.230.152.865	331.227.416.090	30.780.261.855	2.970.830.028.691
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.854.129.803.172	634.763.187.582	272.753.453.635	28.595.079.261	2.790.241.523.650
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**75.462.394.709**	**44.466.965.283**	**58.473.962.455**	**2.185.182.594**	**180.588.505.041**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	1.298.328.000	1.403.574.130	-	3.939.528.759	6.641.430.889
Tài sản không phân bổ					1.572.104.339.531
Tổng tài sản					**1.572.104.339.531**
Nợ phải trả không phân bổ					692.896.043.507
Tổng nợ phải trả					**692.896.043.507**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. CÁC THÔNG TIN KHÁC

35.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

35.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết số 17/NQ-CPCL ngày 07/01/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cát Lợi đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền theo tỷ lệ 15%/mệnh giá, tương đương 39.311.374.500 đồng, theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/02/2025, ngày thanh toán 27/02/2025.

Ngoài ra, không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác sau ngày kết thúc năm tài chính có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

35.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như không bị buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

36. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Căn cứ Thông báo kết quả Kiểm toán số 172/TB-KTNN ngày 28/06/2024 của Kiểm toán Nhà nước về việc Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố ảnh hưởng đến số dư đầu năm của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 như sau:

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Mã số	Tại 31/12/2023 (Số đã trình bày) VND	Số điều chỉnh Tăng (+) Giảm (-) VND	Tại 31/12/2023 (Số trình bày lại) VND
Chi phí trả trước ngắn hạn (1)	151	7.346.053.357	5.252.055.299	12.598.108.656
Thuế GTGT được khấu trừ (2)	152	8.760.352.044	59.066.873	8.819.418.917
Phải trả người bán ngắn hạn (3)	311	324.172.424.145	797.402.787	324.969.826.932
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (4)	313	11.616.077.217	902.743.877	12.518.821.094
LNST chưa phân phối kỳ này (5)	421b	140.365.487.304	3.610.975.508	143.976.462.812

36. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (TIẾP)

Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2023 (Số đã trình bày) VND	Số điều chỉnh Tăng (+) Giảm (-) VND	Năm 2023 (Số trình bày lại) VND
Giá vốn hàng bán (6)	11	2.639.172.829.355	(5.252.055.299)	2.633.920.774.056
Chi phí bán hàng (7)	25	33.976.048.564	738.335.914	34.714.384.478
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (8)	50	176.074.785.656	4.513.719.385	180.588.505.041
Chi phí thuế TNDN hiện hành (9)	51	35.709.298.352	902.743.877	36.612.042.229
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (10)	60	140.365.487.304	3.610.975.508	143.976.462.812
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (11)	70	4.820	109	4.929
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (12)	71	4.820	109	4.929

(1) Chi phí trả trước ngắn hạn tăng do chưa phân bổ chi phí công cụ, dụng cụ là 5.252.055.299 đồng.

(2) Thuế GTGT được khấu trừ tăng do điều chỉnh tăng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với phần chi phí vận chuyển đã hoàn thành trong năm 2023 là 59.066.873 đồng.

(3) Phải trả người bán ngắn hạn tăng do đã hoàn thành dịch vụ vận chuyển năm 2023 là 797.402.787 đồng.

(4) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng do điều chỉnh giảm chi phí đã phân bổ tại mục (1) và điều chỉnh tăng chi phí tại mục (3) nêu trên (làm tăng lãi, tăng thuế TNDN) là 902.743.877 đồng.

(5) LNST chưa phân phối tăng do kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến các điều chỉnh tại mục (1), (3), (4) nêu trên là 3.610.975.508 đồng.

(6) Giá vốn hàng bán giảm theo khoản điều chỉnh số (1) là 5.252.055.299 đồng.

(7) Chi phí bán hàng tăng tương ứng với phần chi phí vận chuyển đã hoàn thành là 738.335.914 đồng.

(8) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng theo khoản điều chỉnh số (6) và (7) là 4.513.719.385 đồng.

(9) Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng do doanh thu, chi phí thay đổi là 902.743.877 đồng.

(10) Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng do kết quả kiểm toán nhà nước thay đổi là 3.610.975.508 đồng

(11), (12) Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu tăng do kết quả kiểm toán nhà nước thay đổi là 109 đồng/cổ phiếu, đồng thời được trình bày tại thuyết minh số 31.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (TIẾP)

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh đã điều chỉnh nên các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được điều chỉnh lại, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mã số	Năm 2023 (Số đã trình bày)	Số điều chỉnh Tăng (+) Giảm (-)	Năm 2023 (Số trình bày lại)
Lợi nhuận trước thuế	01	176.074.785.656	4.513.719.385	180.588.505.041
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(44.410.650.902)	(59.066.873)	(44.469.717.775)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	54.269.142.469	797.402.787	55.066.545.256
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	9.495.026.127	(5.252.055.299)	4.242.970.828

37. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là các số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại như được nêu tại mục số 36 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Đức Huy	Liêu Phước Tính	Nguyễn Hoàng Minh

